TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **---------- **

Bản án số: 263 /2025/HNGĐ
Ngày 18/6/2025
Về việc tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tú

Bà Nguyễn Thị Thuần

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận B

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B*** *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2025 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐ-ST ngày 07/5/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 61/ 2025/QĐ – ST ngày 28/5/2025 , giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Minh P, sinh năm 1971

HKTT+ cư trú: Phòng 802A, Tòa N04A, Chung cư khu nhà ở C, Khu Đ, phường X, quận B, Thành phố H

(Vắng mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Ông Trần Đăng C, sinh năm 1964

HKTT: Số 7A, ngõ D, phường Q, Thành phố H

Cư trú: Phòng 802A, Tòa N04A, Chung cư khu nhà ở C, Khu Đ, phường X, quận B, Thành phố H

(Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện và lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Minh P trình bày:***

Bà và ông Trần Đăng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường V, Thành phố N, tỉnh N ngày 09/11/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại Liên Bang Nga đến năm 2016 thì chuyển về Việt Nam và ở tại Phòng 802A, Tòa N04A Khu Đoàn ngoại giao, phường X, quận B, Thành phố H cho đến nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm, cách sống, vợ chồng không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Mỗi lần xảy ra mâu thuẫn, ông C lại bỏ nhà đi đâu không biết 1, 2 tuần mới về nhà.Sau khi chị làm đơn xin ly hôn lên Tòa án thì ông C bỏ đi, thỉnh thoảng mới về thăm con,

khi nào gia đình có việc ông C mới về, bình thường bà không liên lạc được, ông C chỉ liên hệ thông qua con gái. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án cho ly hôn với ông C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là:

1. Trần Đăng D, sinh ngày 26/11/1994
2. Trần Phương A, sinh ngày 27/02/2003

Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa giải quyết.

**** Bị đơn là ông Trần Đăng C không đến Toà án nên không có lời khai.***

Tại phiên toà nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không có ý kiến trình bày tại phiên toà.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án.

- Về tố tụng: Toà án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà P đề nghị xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà Nguyễn Minh P và ông Trần Đăng C đăng ký kết hôn tại UBND phường V, Thành phố N, tỉnh N ngày 09/11/1996 trên cơ sở tự nguyện. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hoà hợp, hiện nay vợ chồng đã ly thân mỗi người ở một nơi. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Minh P đối với ông Trần Đăng C là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phương.

Về con chung: hai bên có 02 con chung là:

1. Trần Đăng D, sinh ngày 26/11/1994
2. Trần Phương A, sinh ngày 27/02/2003

Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Từ các nhận định trên, đề nghị HĐXX:

Căn cứ: Điều 28, 35, 39 BLTTDS 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Minh P đối với ông Trần Đăng C. Bà P được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về tài sản, công nợ chung: không có yêu cầu nên không xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Minh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền: Ông Trần Đăng C cư trú tại Phòng 802A, Tòa nhà N04A , khu Đ, phường X, quận B, Thành phố H, Bà P có đơn xin ly hôn với ông Cương, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về tố tụng: Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho ông Trần Đăng C nhưng ông C không đến Toà làm việc, vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bà P, ông C là đúng quy định của pháp luật.

[3].Về nội dung: Bà Nguyễn Minh P và ông Trần Đăng C đăng ký kết hôn tại UBND phường V, Thành phố N, tỉnh N ngày 09/11/1996 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Thể hiện tình trạng vợ chồng giữa bà P và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Bà P có đơn xin ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P đối với ông C là phù hợp với thực tế và pháp luật.

- Về con chung: Bà P, ông C có 02 con chung là:

1. Trần Đăng D, sinh ngày 26/11/1994
2. Trần Phương A, sinh ngày 27/02/2003

Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

- Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét
- Về án phí: bà P phải chịu toàn bộ án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147; 227, 238, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Minh P đối với ông Trần Đăng C. Bà P được ly hôn với ông C.

2. Về con chung: Bà P, ông C có 02 con chung là:

1. Trần Đăng D, sinh ngày 26/11/1994

2. Trần Phương A, sinh ngày 27/02/2003

Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

3.Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: bà Nguyễn Minh P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0075690 ngày 20/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND quận B
- Chi cục THADS quận B
- Đương sự

Lê Thị Tuyết